

**CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HÙNG HUY**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HÙNG HUY

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HUNG HUY SERVICE TRADING MANUFACTURE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2301236348

**3. Ngày thành lập:** 14/03/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Lô K2, Khu công nghiệp Đại Đồng - Hoàn Sơn, Xã Hoàn Sơn, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0912346299

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                 | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí     | 4322     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                            | 4329     |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                            | 4330     |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                       | 4390     |
| 5.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                       | 4511     |
| 6.  | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                            | 4520     |
| 7.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác        | 4530     |
| 8.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                           | 4659     |
| 9.  | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan              | 4661     |
| 10. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                       | 4662     |
| 11. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                   | 4663     |
| 12. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                         | 4669     |
| 13. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                            | 7410     |
| 14. | Cho thuê xe có động cơ                                                    | 7710     |
| 15. | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                           | 0810     |
| 16. | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao         | 2395     |
| 17. | Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu | 2399     |
| 18. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                          | 4932     |
| 19. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                            | 4933     |

|     |                                                                                |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 20. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                      | 5510        |
| 21. | Cơ sở lưu trú khác                                                             | 5590        |
| 22. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                               | 5610        |
| 23. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng       | 5621        |
| 24. | Dịch vụ ăn uống khác                                                           | 5629        |
| 25. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                        | 5630        |
| 26. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển | 7730        |
| 27. | Xây dựng nhà để ở                                                              | 4101        |
| 28. | Xây dựng nhà không để ở                                                        | 4102        |
| 29. | Xây dựng công trình đường sắt                                                  | 4211        |
| 30. | Xây dựng công trình đường bộ                                                   | 4212        |
| 31. | Xây dựng công trình điện                                                       | 4221        |
| 32. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                            | 4222        |
| 33. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                             | 4223        |
| 34. | Xây dựng công trình công ích khác                                              | 4229(Chính) |
| 35. | Xây dựng công trình thủy                                                       | 4291        |
| 36. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                | 4292        |
| 37. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                          | 4293        |
| 38. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                     | 4299        |
| 39. | Phá dỡ                                                                         | 4311        |
| 40. | Chuẩn bị mặt bằng                                                              | 4312        |
| 41. | Lắp đặt hệ thống điện                                                          | 4321        |

**6. Vốn điều lệ:** 15.000.000.000 VNĐ

### 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên  | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|-----------------|-----------|------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN THẾ BÌNH | Việt Nam  | Thôn Đình, Xã Tri Phương, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam       | 2.250.000.000         | 15,000    | 027078003221                                                                                            |         |
| 2   | NGUYỄN HUY HÙNG | Việt Nam  | Thôn Làng Bất Lự, Xã Hoàn Sơn, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam  | 4.500.000.000         | 30,000    | 035082005900                                                                                            |         |

|   |                 |          |                                                                       |               |        |              |
|---|-----------------|----------|-----------------------------------------------------------------------|---------------|--------|--------------|
| 3 | NGUYỄN ĐỨC TUẤN | Việt Nam | Thôn Đông, Xã Bằng An, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam          | 2.250.000.000 | 15,000 | 027070001914 |
| 4 | LÊ THỊ HUẾ      | Việt Nam | Thôn Làng Bất Lự, Xã Hoàn Sơn, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam | 6.000.000.000 | 40,000 | 027160001760 |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THẾ BÌNH

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *01/01/1978*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *027078003221*

Ngày cấp: *22/04/2021*

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Thôn Đình, Xã Tri Phương, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn Đình, Xã Tri Phương, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh